TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày 22-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Địch Tâm

Ông Hoàng Trọng Giáp

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Đức Định –Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thu Ý Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Việt H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/4/1988 tại Trấn Yên - Yên Bái

Nơi cư trú: Thôn 3A, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông **Nguyễn Văn X** - Sinh năm 1953 và bà **Phạm Thị C** - Sinh năm 1954; Hiện ông X, bà C đều trú tại thôn 3A, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; Vợ con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 27/4/2018 bị Ủy ban nhân dân xã V - huyện T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái – Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Toàn Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/10/1992 tại Trấn Yên - Yên Bái

Nơi cư trú: thôn 3A, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông **Nguyễn Xuân H** - Sinh năm 1960 và bà **Hà Thị M** - Sinh năm 1961, hiện ông H, bà M đều trú tại thôn 3A, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái – Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Bản B, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh **Đỗ Ngọc L**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9A, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

-*Người làm chứng:* Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dụng vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 12/5/2018, Nguyễn Việt H dùng xe mô tô của gia đình mình đèo Nguyễn Toàn Q đến quán bán hàng của chị N chơi (Chị N là em chồng bà T được bà T cho mượn địa điểm để bán hàng), thuộc Bản B, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; trên đường đi H nói với Q là trên gác xép của nhà chị N có chiếc máy tính xách tay dễ lấy, Q nói tiếp với H là ở phòng hát Karaoke sát nhà (Phòng hát đã ngừng kinh doanh; gác xép và phòng hát là địa điểm bà T cho con gái là chị Nguyễn Thị Thu T dùng làm nơi ở và kinh doanh Karaoke) có chiếc ti vi cũng dễ lấy. Cả hai thống nhất với nhau khi đến quán bán hàng nếu có cơ hội sẽ lấy trộm những tài sản trên đem đi tiêu thụ.

Ăn cơm trưa với gia đình chị N xong, Q ra phía sau nhà, phát hiện thấy cửa gác xép mở và không có người, Q lên gác xép lấy trộm chiếc máy tính xách tay để trên mặt bàn, đem giấu gần phòng vệ sinh rồi đi ra bàn uống nước bảo H về. H biết Q đã lấy trộm được tài sản nên lấy xe mô tô ra về, còn Q quay lại lấy chiếc máy tính, đem đến đoạn đường đỉnh dốc Đ - cách quán bán hàng của chị N khoảng 50 mét. H đi tới, dùng xe mô tô chở Q đem chiếc máy tính xách tay đến nhà anh Đỗ Ngọc L (Là người họ hàng với Q, làm nghề sửa chữa điện tử) ở tổ 9A - phường Đ - thành phố Y - tỉnh Yên Bái, nhờ anh L bán hộ. Sau khi kiểm tra, thấy chiếc máy tính xách tay không lên nguồn, anh L bảo để lại sửa rồi bán sau, Q đồng ý và vay anh L 300.000 đồng, số tiền này Q cùng H dùng tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q tiếp tục đến quán bán hàng của chị N với mục đích trộm cắp tiếp chiếc ti vi treo trong phòng hát Karaoke. H ngồi uống nước ở quán, còn Q đi qua phòng hát thấy cửa mở nên vào, nhấc chiếc ti vi ra khỏi giá đỡ, đem giấu sau nhà vệ sinh, ra bảo H đi về. Q quay lại đem chiếc ti vi ra đỉnh dốc Đ, H chở Q đến nhà Đỗ Ngọc L, bán cho L chiếc ti vi với giá 2.000.000 đồng và xin thêm của L 100.000 đồng. Số tiền bán ti vi cả hai dùng tiêu xài cá nhân hết. Thông qua công tác điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra huyện T đã tiến hành triệu tập Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu PANASONIC, loại 39 inch, Model No: TH-L39B6V, Serial: RV3250444; 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL STUDIO XPS, màu đen

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 18/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận về trị giá chiếc ti vi và chiếc máy tính xách tay do bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu T:

- Định giá ti vi nhãn hiệu PANASONIC, loại 39 inch, Model No: TH-L39B6V, Serial: RV3250444, mua tháng 1/2016 với giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tại thời điểm tháng 5/2018, chiếc ti vi vẫn hoạt động bình thường và đã khấu hao 40%, do đó giá trị còn lại của chiếc ti vi là: 10.000.0000 đồng x 60% = 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

- Định giá một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL STUDIO XPS, màu đen, mua từ năm 2012 với giá 25.000.000 đồng, tại thời điểm tháng 5/2018, máy tính xách tay đã hết khấu hao, hiện đang bị hỏng. Tuy nhiên chiếc máy tính chỉ bị hỏng phần điện, nếu được sữa chữa, máy tính vẫn tiếp tục hoạt động bình thường. Hội đồng định giá xác định giá trị còn lại của máy tính xách tay là: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)

Tổng cộng: Giá trị còn lại của ti vi và máy tính xách tay là: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSTY ngày 31/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái truy tố Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q đã khai báo thành khẩn, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Đại diện Viện kiểm sát huyện T, tỉnh Yên Bái là đúng.

Bị hại chị Nguyễn Thị Thu T xác nhận đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Ngọc L vắng mặt, nhưng đã có lời khai không yêu cầu đòi lại số tiền đã trả cho bị cáo Quyền.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, phạt các bị cáo:

Nguyễn Việt H từ 12 đến 15 tháng tù, thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 18/5/2018; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Nguyễn Toàn Q từ 09 đến 12 tháng tù, thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 18/5/2018; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Chiếc ti vi nhãn hiệu PANASONIC, loại 39 inch, Model No: TH-L39B6V, Serial: RV3250444; chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL STUDIO XPS, màu đen đã trả cho bị hại chị Nguyễn Thị Thu T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đặt ra.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 12/5/2018, tại nhà bà Nguyễn Thị T (Là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Thu T) thuộc Bản B, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q đã hai lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Thu T (Chị T ở và kinh doanh phòng hát Karaoke ở nhà bà T); lần thứ nhất vào khoảng 13 giờ ngày 12/5/2018, H và Q đã trộm cắp 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL STUDIO XPS trị giá 2.000.000 đồng, lần thứ hai vào khoảng 19 giờ ngày 12/5/2018, H và Q đã trộm cắp 01 chiếc ti vi nhãn hiệu PANASONIC trị giá 6.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản do các bị cáo trộm cắp là 8.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Việt H và Nguyễn Toàn Q có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn và có đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này hai bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm; tuy là đồng phạm có sự bàn bạc trước nhưng mang tính giản đơn. Đánh giá vai trò của bị cáo thì thấy: Bị cáo H là người khởi xướng, đồng thời là người thực hành tích cực hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Q là người thực hành tích cực hành vi trộm cắp tài sản và là người trực tiếp giao dịch bán tài sản đã trộm cắp được. Do đó vai trò của bị cáo H cao hơn bị cáo Q. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống cộng đồng. Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo là vụ lợi cá nhân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xét xử nghiêm minh.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Việt H là người có nhân thân xấu, Ngày 27/4/2018 bị Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời

hạn 03 tháng kể từ ngày 27/4/2018, nhưng đến ngày 12/5/2018 cùng bị cáo Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Q là người nghiện ma túy. Trong ngày 12/5/2018 các bị cáo H, Q đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mà mỗi lần thực hiện trộm cắp tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ những nhận định trên, trên cơ sở xem xét toàn diện tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo H, bị cáo Q là người nghiện chất ma túy, không có tài sản, không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Các đối tượng khác:

Đối với anh Đỗ Ngọc L là người đã mua tài sản do các bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q trộm cắp được đem bán. Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm giao dịch mua bán tài sản thì anh L không biết tài sản này do các bị cáo phạm tội mà có. Do đó, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với anh Đỗ Ngọc L là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô mang BKS 21V7-1447, là xe mô tô do Nguyễn Việt H dùng chở Nguyễn Toàn Q đi tiêu thụ tài sản trộm cắp được, sau đó đem xe về nhà. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của bà Phạm Thị C (mẹ đẻ của H), bà C không biết mục đích mượn xe của H là để đi trộm cắp tài sản, do vây CQĐT không thu giữ chiếc xe mô tô nêu trên là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Một chiếc ti vi nhãn hiệu PANASONIC, loại 39 inch, Model No: TH-L39B6V, Serial: RV3250444 và một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL STUDIO XPS, màu đen đã trả cho bị hại chị Nguyễn Thị Thu T là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Toàn Q 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2018.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Việt H, Nguyễn Toàn Q mỗi người phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về phần quyết định liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bị cáo; bị hại; ng có QL&NV liên quan;
- THA hình sự (2);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quang Trung